

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 40,200 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -2.7% | 7.2% | 0.1% |

| | |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 34,144 - 45,362 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 6,062 |
| Số lượng CPLH (CP) | 150,787,946 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 23,100 |
| Sở hữu nước ngoài | 38.5% |
| Beta | 0.44 |
| EPS | 3,195 |
| P/E | 12.6 |

DT thuần

Q1/24

695

tỷ VNĐ

QoQ: ▼456| -39.6%

YoY: ▲ 15.0| 2.2%

LN trước thuế

Q1/24

101

tỷ VNĐ

QoQ: ▼96.0| -48.6%

YoY: ▲ 53.5| 113%

LN sau thuế

Q1/24

81.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼80.6| -49.7%

YoY: ▲ 45.1| 124%

ROA

2023

7.9%

+/- YoY: ▼ 3.8%

DT thuần

2023

3,762

tỷ VNĐ

YoY: ▼713| -15.9%

LN trước thuế

2023

540

tỷ VNĐ

YoY: ▼212| -28.2%

LN sau thuế

2023

437

tỷ VNĐ

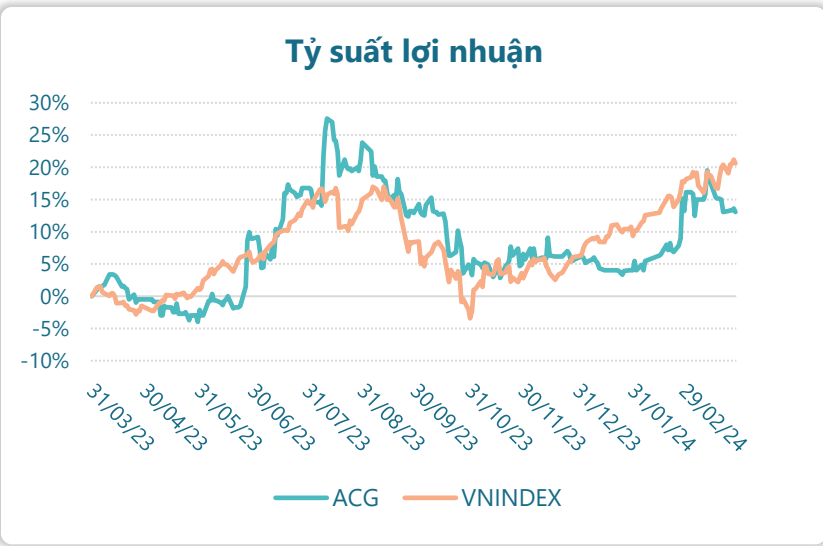
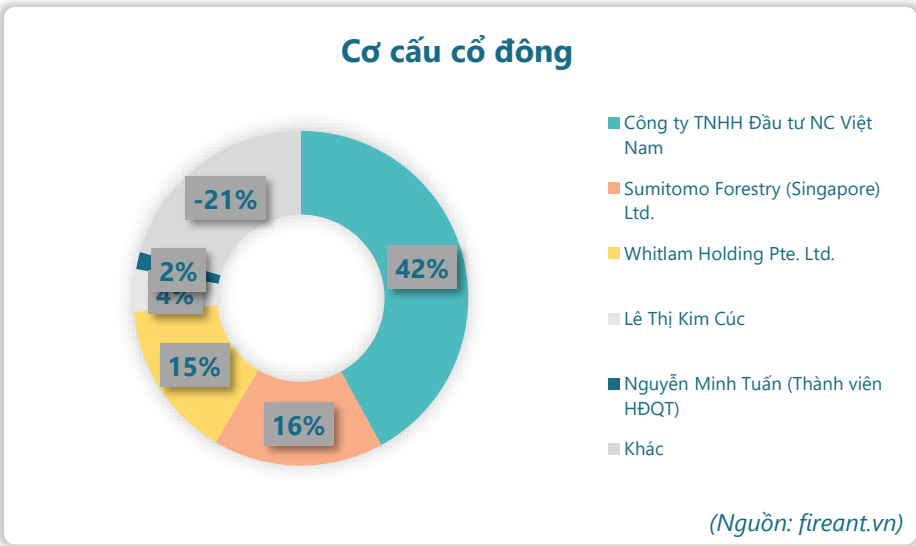
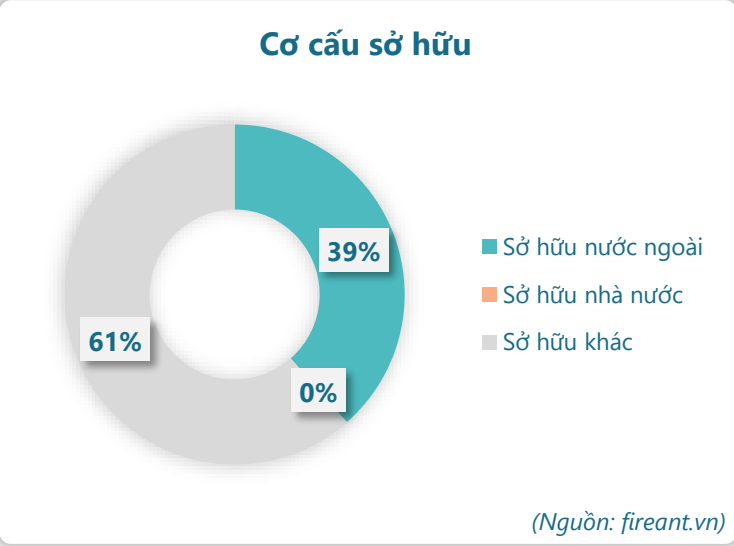
YoY: ▼179| -29.1%

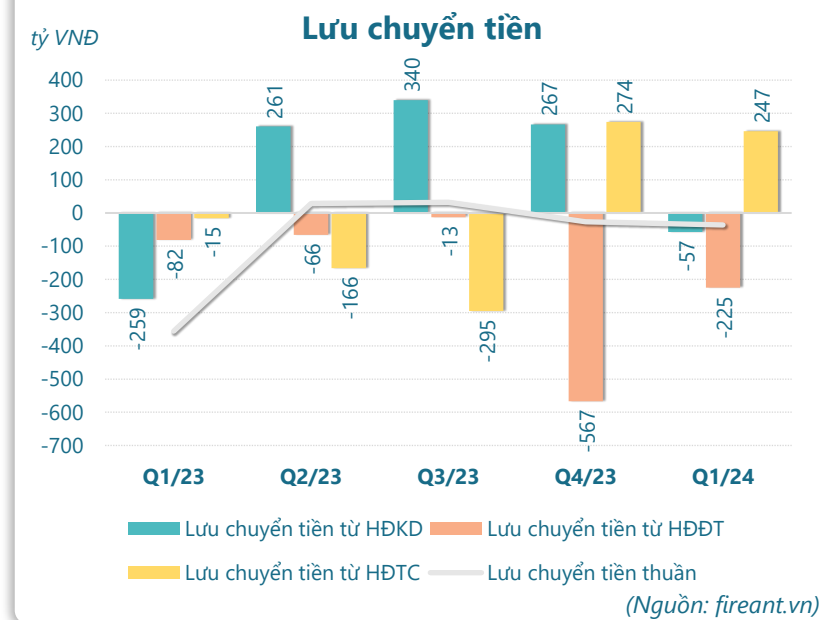
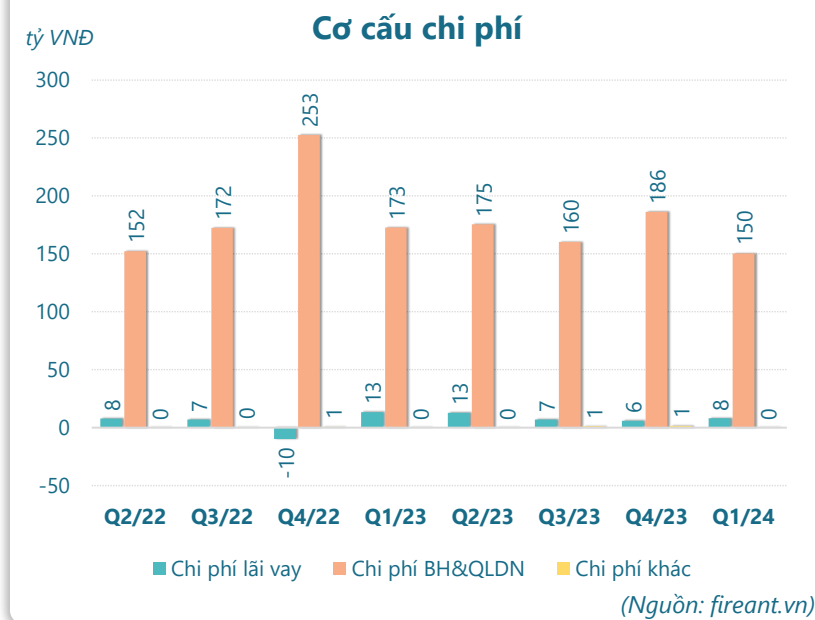
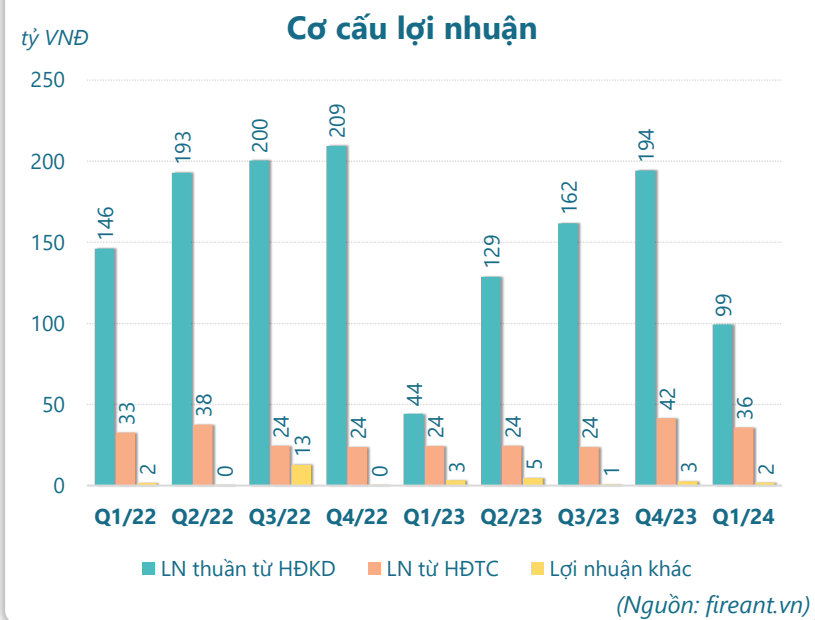
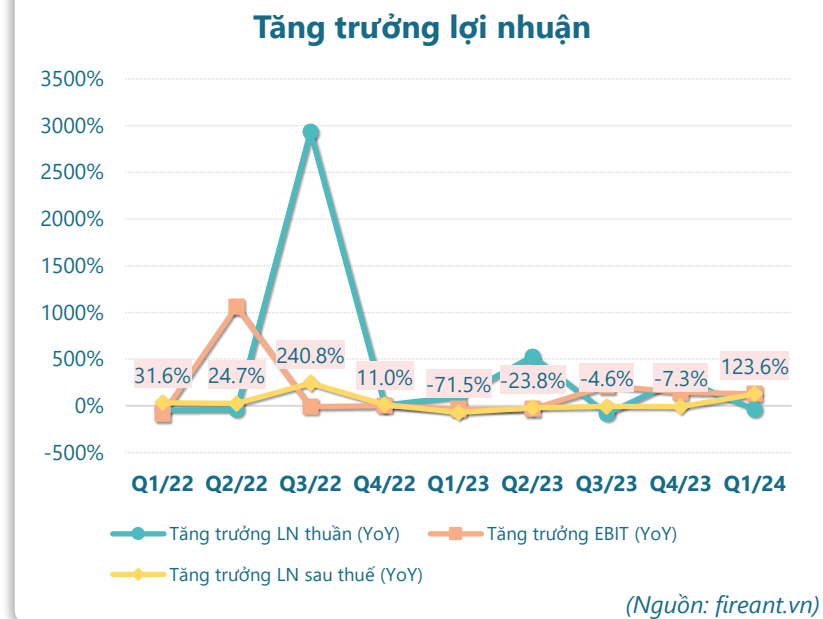
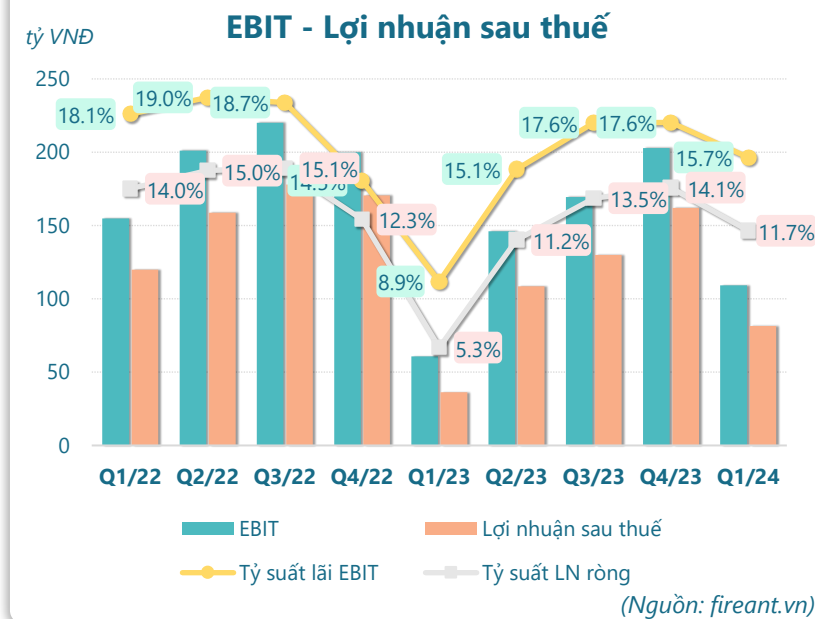
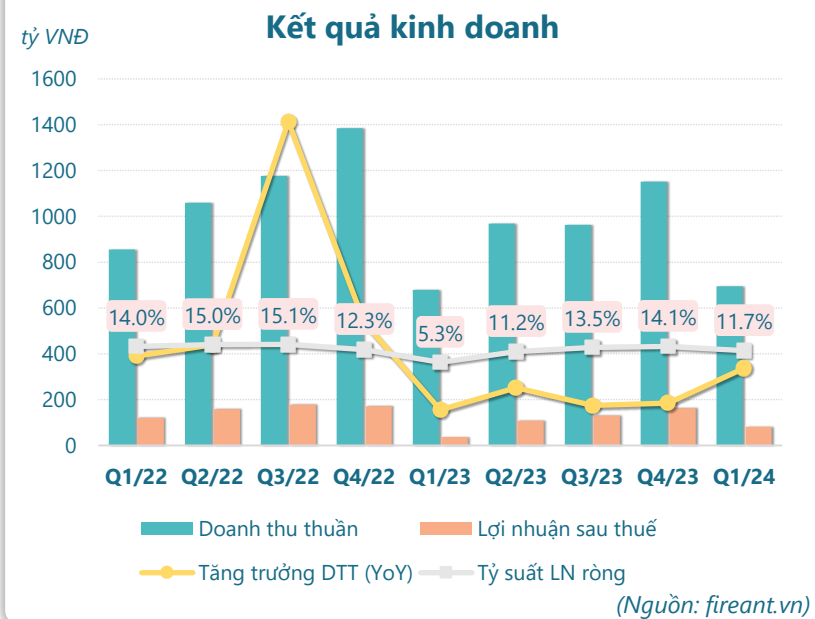
ROE

2023

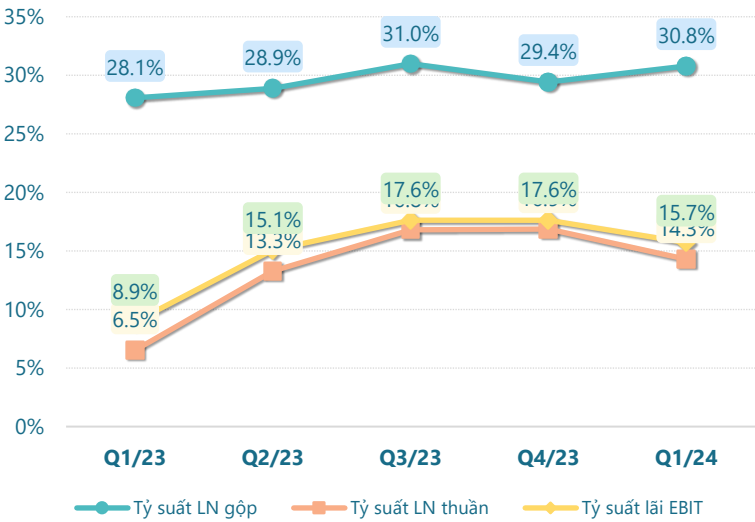
10.8%

+/- YoY: ▼ 5.2%



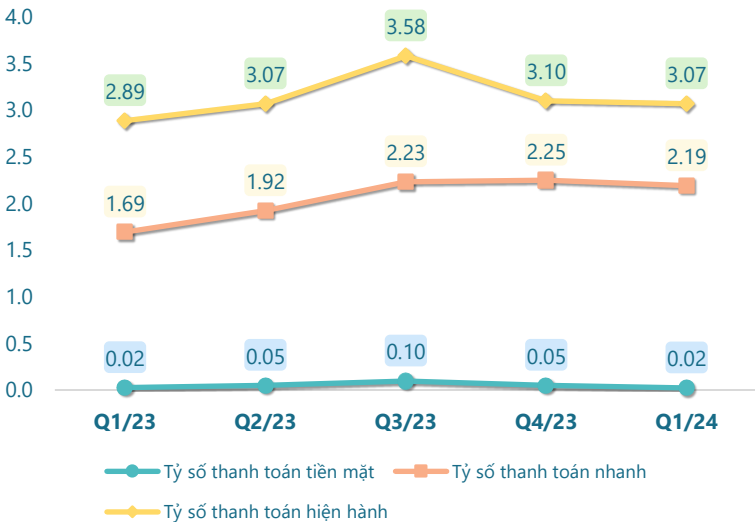


Tỷ suất lợi nhuận



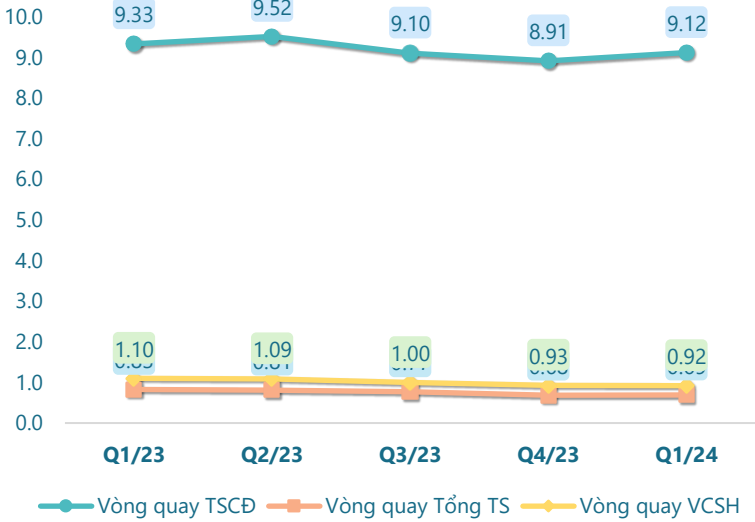
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



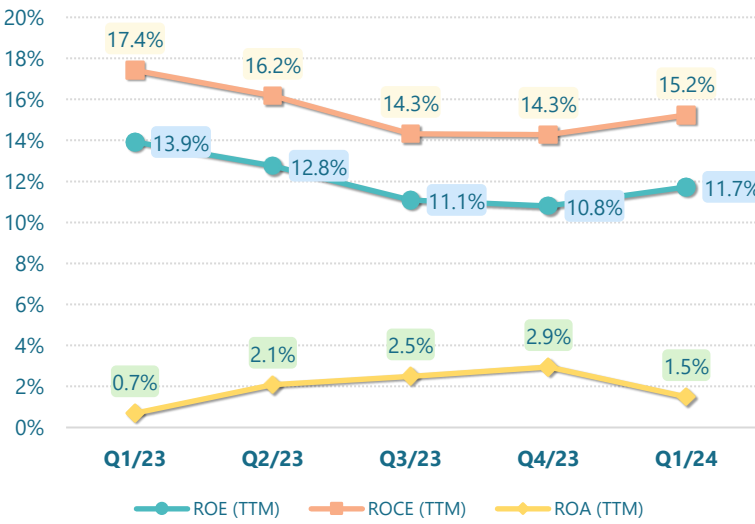
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



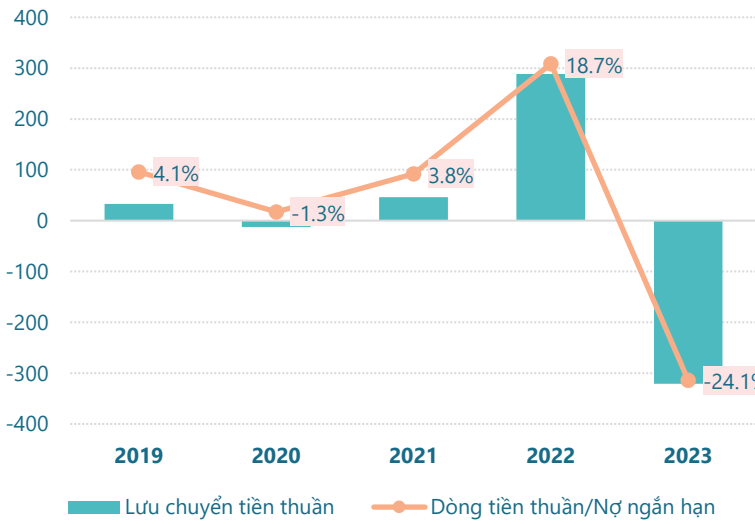
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



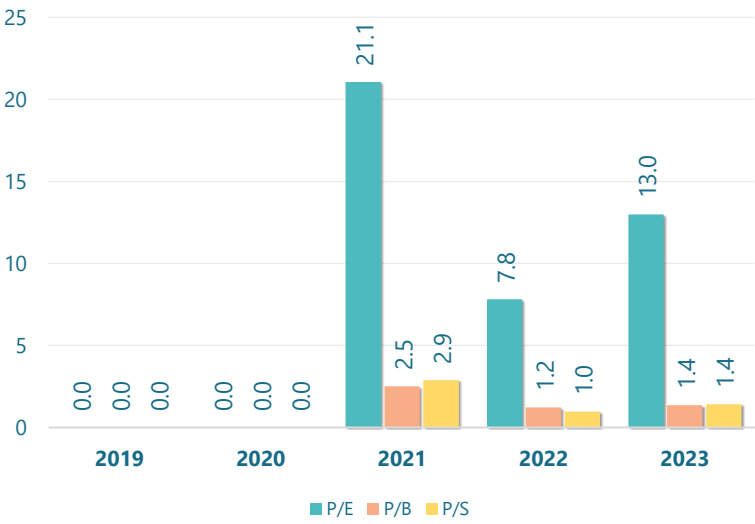
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)